

EMBASSY OF THE UNITED STATES OF AMERICA
BANGKOK, THAILAND

MAY 8, 1989

TO WHOM IT MAY CONCERN:

NGUYEN TAN QUOC	BORN	20 AUG 31	(IV 247572)
TU THI KIM VAN	BORN	4 JAN 36	WIFE
NGUYEN THE DU	BORN	9 FEB 61	UNMARRIED SON
NGUYEN THE PHUONG	BORN	11 MAR 63	UNMARRIED SON
NGUYEN THE HIEN	BORN	21 MAY 64	UNMARRIED SON
NGUYEN THI VAN TRANG	BORN	10 APR 67	UNMARRIED DAUGHTER

ADDRESS IN VIETNAM: 502/495A NGUYEN DINH CHIEU
Q 03
T/P HO CHI MINH

VEWL#: 50378

NHUNG NGUOI CO TEN TREN DAY DUOC COI NHU TAM DU TIEU-CHUAN DE DINH-CU TAI HOA-KY. TUY NHIEN, SU QUYET-DINH CUOI CUNG DE HOI DU DIEU-KIEN CON TUY THUOC VAO CUOC PHONG-VAN CUA VIEN-CHUC SO DI-TRU HAY TUY VIEN LANH-SU HOA-KY VA KET-QUA VIEC KHAM SUC KHOE VA THU-NGHIEM Y-TE CAN THIET. DE CO SU CHAP-THUAN CUOI CUNG CUA VIEN-CHUC HOA-KY, VA TRUOC KHI ROI KHOI VIET-NAM, MOI NGUOI CAN CO SUC KHOE TOT DEP VA HOI DU NHUNG DIEU-KIEN CUA LUAT DI-TRU HOA-KY.

VI THE, TRONG TRUONG HOP NHUNG NGUOI NAY DUOC CHINH-QUYEN VIET-NAM CHO PHEP XUAT-CANH, CHUNG TOI YEU CAU QUY VI CHO PHEP HO DUOC THI HANH TAI VIET-NAM NHUNG THU-TUC CAN THIET LIEN-QUAN DEN HO-SO XIN ROI KHOI VIET-NAM, THEO CHUONG-TRINH RA DI CO TRAT TU (ODP), KE CA NHUNG THU-TUC KHAM SUC-KHOE, THU-NGHIEM Y-TE CAN THIET VA DUOC CHINH-QUYEN VIET-NAM CHO PHEP GAP VIEN-CHUC CO THAM-QUYEN CUA CHINH-PHU HOA-KY DE DUOC PHONG-VAN.

DIEU KIEN DUOC DINH-CU TAI HOA-KY CUA BAT CU NGUOI NAO CO TEN TRONG TO THU NAY, CO THE KHONG CON HIEU LUC NUA, TRONG MOT SO TRUONG HOP, BAO GOM CA HON-NHAN, LY-DI, DEN TUOI 21, HAY QUA DOI.

SINCERELY,


BRUCE A. BRADLEY
DIRECTOR
ORDERLY DEPARTMENT OFFICE

ODP-I
07/88

9645432



Embassy of the United States of America

Bangkok, Thailand

Date 10 AUG 1989

INSTRUCTIONS

Enclosed is a Letter of Introduction (LOI) which you should send to your relatives/friends in Vietnam to help them in their application for exit permission from the Vietnamese authorities. They should present this LOI to their local People's Committee when they apply.

Please understand that a Letter of Introduction does not guarantee that your relatives/friends will receive exit permission: this depends on the individuals themselves and the Vietnamese authorities. Your relatives/friends may have to apply several times.

Please keep us informed of any change in your address and in the address or status of the persons named in the Letter of Introduction. Always refer to their file (IV) number when you communicate with us.

Our address when writing from the United States is:

Orderly Departure Program
American Embassy - Box 58
APO San Francisco 96246-0001

From countries outside the United States, Please write to:

Orderly Departure Program
127 Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

NGUYEN NHU HUAN

to your interest in the Orderly Departure Program. Please read and follow all the instructions very carefully. When communicating with this office by letter, you must ALWAYS refer to the IV number exactly as it appears above.

ODP files are being reviewed by category priority. The attached Letter of Introduction has been issued as a result of your relative's file category coming up on our priority schedule. You may have other family members whose files have not yet been reviewed. Their files will be reviewed once we have completed the review of all higher priority categories and reach the category of the cases of your remaining relatives.

Following is an English translation of the enclosed Letter of Introduction :

The above named individuals appear to qualify for resettlement in the United States of America. A final decision as to their eligibility, however, can only be made after they have been interviewed by the appropriate United States immigration or consular officials and have had certain required medical examinations and tests. Approval will depend on the individuals being determined by U.S. officials, prior to the individual's departure from Vietnam, to be in satisfactory health and to meet the requirements of U.S. immigration laws.

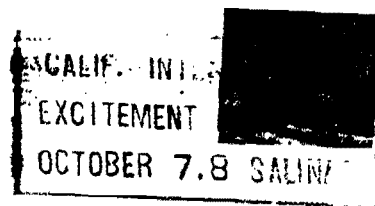
Therefore, should these individuals receive exit permission from the Vietnamese Government, we request that they be permitted to undertake in Vietnam all formalities and processing connected with their application to leave Vietnam under the U.S. Orderly Departure Program, including the required medical examinations and tests, and that they be permitted by the Vietnamese authorities to appear before the appropriate United States Government officials to be interviewed.

The qualification of any individual named in this letter for resettlement in the United States may be invalidated in certain situations, including marriage, divorce, the attainment of age of 21, or death.

Encl: Letter of Introduction
Instructions

CRU /ST

HUAN NHU NGUYEN



AUG 23 1989

Mrs Khue Minh Tho
P.O. Box 5435
Arlington, VA. 22205-0636

Bố: Tuấn Hồ
Nguyễn Tân Quốc
IV # 247572
VEWL # 50378

June 15, 1989

K/sg Bà Thu,

Theo thư này, xin gửi đến Bà:

- 5 bản sao giấy xuất cảnh của hồ sơ
Nguyễn Nhật Quang
- 1 tờ khai gia đình trong đó 5 người có xuất cảnh
đồng ý chung một hồ khẩu.
- Đề bổ túc cho hồ sơ Nguyễn Nhật Quang.

Ngoài ra, xin tin Bà có thêm là sau khi tôi được

I-171 của Nguyễn Tấn Quốc (anh)	} tất cả đều có sao giấy cho Bà
I-171 của Nguyễn Nhật Quang (em)	
I-171 của Nguyễn Văn Khoa (cha)	

Tôi có kèm lại được ODP Bangkok và có tờ IV của
ba hồ sơ đó:

Hồ sơ Nguyễn Tấn Quốc IV # 247572

Hồ sơ Nguyễn Nhật Quang IV # 245031

Hồ sơ Nguyễn Văn Khoa IV # 538372

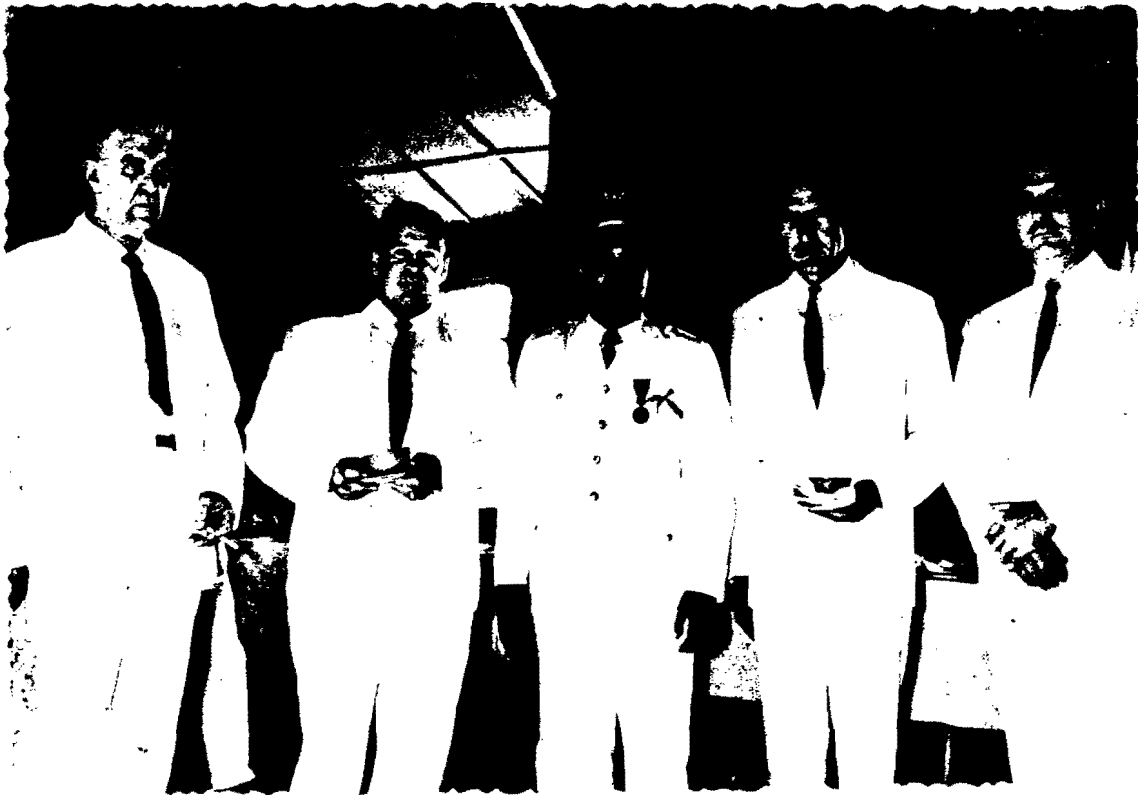
Trong ba hồ sơ này, chỉ có hồ sơ Nguyễn Tấn Quốc là
ODP Bangkok có giấy Affidavit of Relationship cho tôi,
đề tôi bổ túc hồ sơ cho anh Quốc, ngoài ra ODP
Bangkok cũng cho tôi biết hồ sơ anh Quốc thuộc loại
V61 và V31, cũng mừng cho anh.

Vài hàng tin Bà có, nếu Bà cần cứ dẫn gởi thêm xin
cho tôi được biết, xin cảm ơn Bà rất nhiều và xin chúc
Hội hoạt động có hiệu quả thành quả tốt đẹp.

Kính thư,

Thanh Hương

TB Tôi có kèm theo thư có tem
Trại tị nạn, sau khi tôi
nhận được giấy tờ bổ túc này
thành thật cảm ơn



AT THE VN NATIONAL GENDARMERY PARTY :

TU. 2.5.89

- GENDARMERY CAPTAIN NGUYEN TAN QUOC (in uniform)
- MR. ROBERT BUSH, USOM/PSD ADVISOR (on my right hand side)
- MR. AMES, USOM/PSD for TRAINING (on my extreme left hand side)

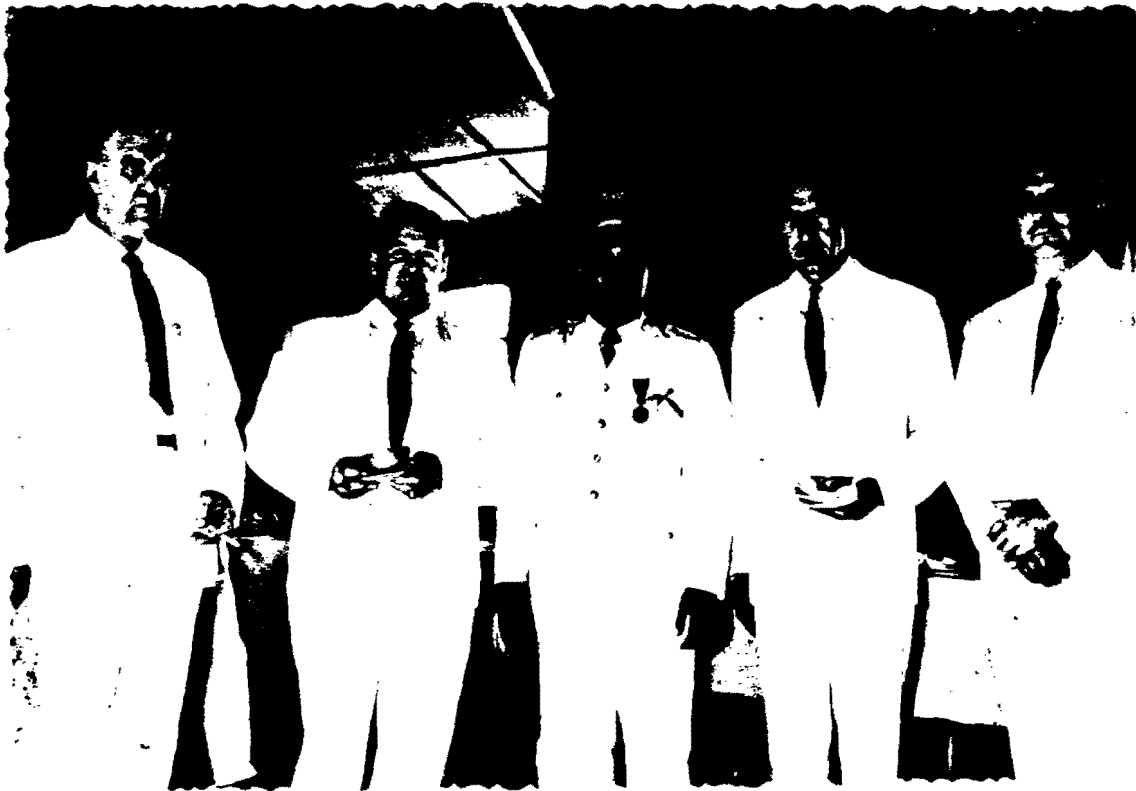
Bổ lực Hô 40.

NGUYỄN TÂN QUOC

IV # ~~24~~ 247572

I.171 gởi hồ thư

ngày 1-18.89



AT THE VN NATIONAL GENDARMERY PARTY :

TU, 2.5.52

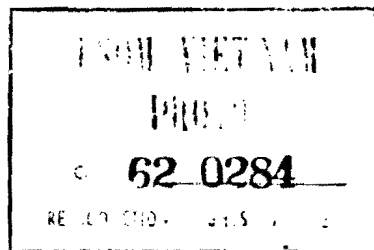
- GENDARMERY CAPTAIN NGUYEN TAN QUOC (in uniform)
- MR ROBERT BUSH, USOM/PSD ADVISOR (on my right hand side)
- MR AMES, USOM/PSD for TRAINING (on my extreme left hand side)



- ON THE SAIGON-BIENHOA HIGHWAY (1961)

FROM LEFT TO RIGHT :

- ~~SE~~ QUỐC - CHIEF OF THE HIGHWAY PATROL
- ~~MAJOR~~ LÊ NGUYỄN PHU - COMMANDANT OF VN GENDARMERY
- MR ROBERT BUSH - USOM/PSD Advisor
- MR VO DAI TON - USOM INTERPRETER





- SAIGON
- * AT THE HARBOR POLICE/BOAT MAINTENANCE AND REPAIR SHOP (1968)
- MR PAUL F. FRANKLIN, SAIGON HARBOR POLICE ADVISOR
 - MRS. ... PSD ADVISOR FOR POLICE WOMEN
 - MR PACE, SMPD (SAIGON METROPOLITAN POLICE DEPARTMENT) CHIEF ADVISOR
 - POLICE COMMISSIONER QUOC, CHIEF OF THE SAIGON HARBOR POLICE (IN POLICE UNIFORM)



- AT THE SAIGON HARBOR POLICE 'BOAT MAINTENANCE
AND REPAIR SHOP' : (1968)

- From right to left :

- MR. FACE, Chief of Police at SAIGON METROPOLITAN POLICE DEPARTMENT
- Mr. Commissioner GUEC - Chief of the SAIGON HARBOR POLICE
- MR. ATKINSON - Advisor for RIVER POLICE
- Commander GIANG (Laotian) - Chief of the RIVER POLICE
- MRS. ... USAID ADVISOR for POLICE WOMEN



Trần Văn Thanh Anh Trưởng
Quân Cảnh Fort Gordon.
Hôm chụp ngày 22/11/59

Luc

- In front of the PMGC (Fort Gordon)
home of the US Military Police

August 23rd, 1988

Hình gửi: Bà Chu Bích
Hội Gia đình TNCT

Thưa Bà,

Vừa được hồ sơ của gia đình anh Quốc do con trai anh ấy bên lìc gửi sang, tôi với copy làm hai bộ gửi sang cho bà theo như lời Bà dặn trong buổi được nói chuyện với Bà qua điện thoại.

Thờ Anh Quốc nét qua, thấy tôi nghiệp lắm, vì ai này cũng rất là tin tưởng vào ngay ra đi rất gần, trong khi hồ sơ chẳng chịu gửi cho mình sớm đi hoàn tất.

Tuy vậy, chậm còn hơn không, tôi cố gắng làm thật nhanh để gửi qua Bà,

mong được Bà giúp đỡ gia đình anh ấy tôi thành thật cảm ơn Bà.

Thân kính,

Huân Nguyen

Hồ sơ gồm có:

- Political Prisoner Registration Form
- Questionnaire for Ex Political Prisoner in V.N.
- Questionnaire for ODP Applicants
- Copy of Diploma at The Provost Marshal General's School
- Copy of 3 pictures taken with USAID's advisor
- Copy of Camp Release Certificate
- 2 Copies of Marriage Certificate
- 11 Copies of Birth Certificate

NATIONAL OFFICE

MIGRATION & REFUGEE SERVICE .

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in Reeducation camp in Viet-Nam, so that eligibility for U.S. admission via the O.D.P. can be established :

APPLICANT in Viet-Nam .

Name : NGUYỄN TÂN QUỐC SN # 51A/121191
Rank : POLICE COMMISSIONER (POLICE MAJOR)
Function : CONFERENCE OFFICER AT THE 4th and 5th PARTY CENTRAL MILITARY JOINT COMMITTEE
Current address : 50/495A - NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU - Q3 - 1st TÂN SƠN NHÚT AIR BASE
Date of birth : 20.8.1931 SAIGON
Place of birth : VĨNH THẠNH VÂN (RACH GIA)

Names of accompanying relatives dependant :

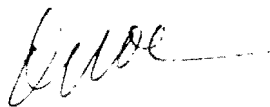
- | | |
|---|---|
| 1 - <u>TU THI KIM VÂN (1936)</u> : wife | 9 - <u>NGUYỄN QUỐC ANH (1981)</u> : GRANDSON |
| 2 - <u>NGUYỄN THẾ KIỆT (1956)</u> : SON | 10 - <u>NGUYỄN TUẤN ANH (1986)</u> : GRANDSON |
| 3 - <u>NGUYỄN THẾ DŨ (1961)</u> : SON | 11 - <u>NGUYỄN VĂN KHOA (1909)</u> : FATHER |
| 4 - <u>NGUYỄN THẾ PHƯƠNG (1963)</u> : SON | |
| 5 - <u>NGUYỄN THỊ HIỀN (1964)</u> : SON | |
| 6 - <u>NGUYỄN THỊ VÂN TRANG (1967)</u> : DAUGHTER | |
| 7 - <u>TRẦN THỊ THANH KÍNH (1951)</u> : DAUGHTER-IN-LAW | |
| 8 - <u>NGUYỄN THỊ VÂN ANH (1978)</u> : GRANDDAUGHTER | |

Time spent in Reeducation camp :

From : 15 / 6 / 1975 To : 15 - 6 - 1985
(10 years . . . months . . . days).

JULY 31st, 1988

Signature of the applicant.



NGUYỄN TÂN QUỐC

**QUESTIONNAIRE
FOR EX-POLITICAL PRISONER IN VN
-00-00-**

I-BASIC INFORMATION ON APPLICANT IN VN:

- Full name of Ex-Political prisoner: **NGUYỄN TÂN QUỐC**
 - Date and place of birth: **20-8-1931 at VINH THANH VÂN (RACH GIA)**
 - Position (before April 75): **Conference Officer at the Party Military Joint Committee at TÂN SƠN NHẤT AIR BASE (SAIGON)**
 - Rank (before April 75): **POLICE COMMISSIONER (MAJOR)**
 - Serial number: **51A/121191**
 - Month/Date/Year (Arrested): **15-6-1975**
 - Month/Date/Year (Out of Camp): **14-6-1985**
- (Photocopy of release certificate attached)**

- Present mailing address of Ex-Political prisoner:
502/495A - NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU - Q3 - SAIGON
- Current address: **(Same as above)**

II-FULL LIST DOB AND POB OF EX-POLITICAL PRISONER, IMMEDIATE FAMILY AND FATHER MOTHER:

A-RELATIVES TO ACCOMPANY EX-POLITICAL PRISONER TO BE CONSISTED FOR US COUNTRY:

NAME	DOB	POB	SEX	M/S	RELATIONSHIP
1-TU THỊ KIM VÂN	(04/01/1936)	BINH HOA (LONG XUYEN)	Female	M	WIFE
2-NGUYỄN THẾ KIẾT	(16/01/1956)	RACH GIA	Male	M	SON
3-NGUYỄN THẾ DŨ	(09/02/1961)	SAIGON	Male	Single	SON
4-NGUYỄN THẾ PHƯƠNG	(11/3/1963)	SAIGON	Male	S	SON
5-NGUYỄN THẾ HIỂN	(21/5/1964)	SAIGON	Male	S	SON
6-NGUYỄN THỊ VĂN TRANG	(10/4/1967)	SAIGON	Female	S	Daughter
7-TRẦN THỊ THANH KINH	(4/01/1951)	CẦN THƠ	Female	M	Daughter-in-law
8-NGUYỄN THỊ VĂN ANH	(21/12/1978)	SAIGON	Female	S	Grand daughter
9-NGUYỄN QUỐC ANH	(26/01/1981)	SAIGON	Male	S	Grand son
10-NGUYỄN TUẤN ANH	(03/8/1986)	SAIGON	Male	S	Grand son

B-COMPLETE FAMILY LISTING (LIVING/DEAD) OF EX-POLITICAL PRISONER:

NAME	ADDRESS
1-FATHER: NGUYỄN VĂN KHOA	(Living) 135B - MÃU THÂN (ex-MẠC CƯỜNG) STREET
2-MOTHER: CHUÔNG THỊ LỤC	(Dead) (RACH GIA)
3-SPOUSE: TU THỊ KIM VÂN	(Living) 502/495A - NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU - Q3 SAIGON

4- FORMER SPOUSE: NONE

5- CHILDREN: 1- NGUYỄN THẾ KIẾT (1956) living
2- NGUYỄN THẾ PHÙNG (1957) living in AUSTRALIA
3- NGUYỄN THẾ HIỀN (1959) Dead at the 10th month of age
4- NGUYỄN THẾ DŨ (1961) living
5- NGUYỄN THẾ PHƯƠNG (1963) living
6- NGUYỄN THẾ HIỀN² (1964) living
7- NGUYỄN THỊ VĂN TRANG (1967) living

6- SIBLINGS:

1- NGUYỄN NHƯ HUYỀN (SISTER - 1929) - Dead
2- NGUYỄN NHƯ HUÂN (SISTER - 1933) living in the U.S.
3- NGUYỄN NHƯT QUANG (Brother - 1938) living

III- RELATIVES OUTSIDE VN:

A- CLOSEST RELATIVE IN THE US:

- NAME: NGUYỄN NHƯ HUÂN
- RELATIONSHIP: SISTER
- ADDRESS:
• RESIDENCE: 1120 - MAC CLELLAN AV. # 7 - MONTEREY CA 93940
USA
• MAILING:

B- CLOSEST RELATIVE IN OTHER COUNTRY:

• Name: NGUYỄN THẾ PHÙNG
• Relationship: SON
• Address: 12/4 DOVER COURT - MOSMAN PARK - WA 6012 AUSTRALIA

IV- HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR FAMILY REUNIFICATION?

~~YES~~ OR NO

UNTIL NOW THESE APPLICATIONS HAVE YOU: ~~YES~~ NO REPLIED FROM BANGKOK ODP RELATIVES TO THE ODP BANGKOK LOI?

V- COMMENTS-REMARKS: I still have an aged father - If he could be authorized to get along with us, I will send all his documents concerned to your office without delay -

- In this hopeful situation, your immediate reply will be highly and sincerely appreciated -

SIGNATURE

RLW

DATE 29 MAY 1988

VI- PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE:

- 1- one copy of my release certificate - 4- 1 ID photo of mine
2- one copy of my family census card - 5- 3 photos with US border
3- Two copies of my US Diplomas

The remaining documents will be sent to you afterward - Thank you. /

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____
Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

- Mail or send the completed questionnaire to:
- Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Orderly Departure Office
Paukabhum Building
127 South Sathorn Road
Bangkok 10120, Thailand

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn bản

1. Name
Họ, tên : **NGUYỄN TÂN QUỐC** Sex: **Phái MALE**
2. Other Names
Họ, tên khác : **NONE**
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : **20-8-1931 AT VINH THANH VAN (RACH GIA)**
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : **502/495A-NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU-Q3-SÀI GÒN**
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : **- as above -**
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : **LIVING IN HOME WITH FAMILY**

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-dình như sau: Đã lập gia-dình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-dình
1. THỊ KIM VÂN	JAN/4/1936	BÌNH HOÀ (LONG XUYỀN)	Female	(M)	WIFE
2. NGUYỄN THẾ KIẾT	JAN/16/1956	RACH GIA	Male	(M)	SON
3. NGUYỄN THẾ DŨ	FEB/9/1961	SAIGON	Male	(S)	SON
4. NGUYỄN THẾ PHƯƠNG	MAR/11/1963	SAIGON	Male	(S)	SON
5. NGUYỄN THẾ HIỀN	MAY/21/1964	SAIGON	Male	(S)	SON
6. NGUYỄN THỊ VÂN TRANG	APR/10/1967	SAIGON	Female	(S)	DAUGHTER
7. TRẦN THỊ THANH KÍNH	JAN/4/1951	CẦN THƠ	Female	(M)	DAUGHTER-IN-LAW
8. NGUYỄN THỊ VÂN ANH	DEC/12/1978	SAIGON	Female	(S)	GRAND DAUGHTER
9. NGUYỄN QUỐC ANH	JAN/26/1981	SAIGON	Male	(S)	GRAND SON
10. NGUYỄN TUÂN ANH	AUG/3/1986	SAIGON	Male	(S)	GRAND SON
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú-y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thủ (nếu lập gia-dình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngữ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần 1.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên : NGUYỄN NHƯ HUÂN

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : SISTER

c. Address ^{→ Residence}
Địa-chỉ ^{→ Mailing}

D. Date of Relative's Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ : 24 APRIL 1981

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên : NGUYỄN THẾ PHỤNG

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : SON

c. Address
Địa-chỉ : 12/4 - DOVER COURT
MOSMAN PARK
WA 6012 - AUSTRALIA

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha : NGUYỄN VĂN KHOA (LIVING)

2. Mother
Mẹ : CHUÔNG THỊ LỤC (DEAD)

3. Spouse
Vợ/Chồng : TU THỊ KIM VÂN

4. Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có): NONE

5. Children
Con cái:

(1)	<u>NGUYỄN THẾ KIẾT</u>	<u>(1956)</u>
(2)	<u>NGUYỄN THẾ PHỤNG</u>	<u>(1957) living in AUSTRALIA</u>
(3)	<u>NGUYỄN THẾ HIỀN</u>	<u>(1959) dead at 10th month of age</u>
(4)	<u>NGUYỄN THẾ DUY</u>	<u>(1961)</u>
(5)	<u>NGUYỄN THẾ PHỤNG</u>	<u>(1963)</u>
(6)	<u>NGUYỄN THẾ HIỀN</u>	<u>(1964)</u>
(7)	<u>NGUYỄN THỊ VĂN TRANG</u>	<u>(1967)</u>
(8)		
(9)		

6. Siblings
Anh chị em:

(1)	<u>NGUYỄN NHƯ HUÂN</u>	<u>(1929) - Sister - (DEAD)</u>
(2)	<u>NGUYỄN NHƯ HUÂN</u>	<u>(1933) Sister - living in U.S.</u>
(3)	<u>NGUYỄN NHƯ QUANG</u>	<u>(1938) Brother</u>
(4)		
(5)		
(6)		
(7)		
(8)		
(9)		

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phu Mỹ hoặc hàng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/Chồng đã Công-vu với Chính-phu Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: NGUYỄN TÂN QUỐC

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 1 OCTOBER 1952 Đến 30 APRIL 1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng POLICE Serial Number: 51A
COMMISSIONER Số thẻ nhân-viên: 121-191
(MAJOR)

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đoàn-Vũ Binh-Chung : VN NATIONAL POLICE HQ (Ministry of Interior)

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : Brig. General NGUYỄN VĂN GIÀU
Assistant Commanding General for Security

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : STILL IN POSITION TO 30 APRIL 1975
- ROBERT BUSH (USOM/PSD Advisor for SAIGON-TRIANHCA HIGHWAY)
7. Names of American Advisor(s): PAUL R. FRANKLIN (USAD/PSD Advisor for SAIGON HARBOR POLICE PATROL)
Họ tên cố vấn Mỹ (1) : CHARLES SLOAN (USAD/PSD Advisor for NATIONAL POLICE TRAINING BLOCK)
8. U.S. Training Courses in Vietnam: GUIDE COURSE TO COMMANDING OFFICERS AND DIVISION +
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ BATTLE GROUP STAFF OFFICERS
tại Việt-Nam : (SPONSORED BY MAAG) 10 OCT. 1955 - 5 NOV. 1955
9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: Certificate of Date received: 4 NOV. 1955
Phân-thưởng hoặc giấy khen: sent when favorable Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.)

Available? Yes ☒ No ☐ .)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy khen, hoặc chứng-thủ nếu có.)

Đúng sự có không? Có ☒ Không ☐ .)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: NGUYỄN TẤN QUỐC
2. School and School Address : THE PROVOST MARSHAL GENERAL'S SCHOOL (PMGS)
Trường và địa-chỉ nhà trường : FOAT GORDON - Ga - USA
3. Dates:
Ngày, tháng, năm From 23 SEPT. 1959 To 18 DEC. 1959
Từ: 19 JAN. 1960 Đến: 18 MAR. 1960
4. Description of Courses
Mô-tả ngành học : ASSOCIATE MILITARY POLICE COMPANY OFFICER COURSE (CLASS # 1)
: CRIMINAL INVESTIGATION COURSE (CLASS # 2)
5. Who paid for training? : MILITARY ASSISTANCE ADVISORY GROUP IN VIETNAM
Ai đài-tho học-trình huấn-luyện? : (MAAG) USA

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☒ No ☐ .)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☒ Không ☐ .)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : NGUYỄN TẤN QUỐC
2. Time in Reeducation: From: 15-6-1975 To: 14-6-1985
Thời gian học-tập Từ: 15-6-1975 Đến: 14-6-1985
3. Still in Reeducation? Yes ☐ No ☒
Vẫn còn học-tập cải-tạo? Có ☐ Không ☒

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

- (1) My last position was as CONFERENCE OFFICER at the 4th PARTY JOINT MILITARY
COMMITTEE (JAN 1973) at TÂN SƠN NHẤT AIR BASE (SAIGON) until SAIGON overrunned
by VC (30 APRIL 1975) - At that time I had no US advisor.
- (2) I still have an aged father - if he could be authorized to get along with us,
I would send all his documents concerned to your office without delay.

Signature

Ký tên: [Signature]

Date

Ngày: 29/5/1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- Be sent
afterward
- 1 copy of my marriage certificate
 - 1 copy of my birth certificate
 - 1 copy of my wife's birth certificate
 - 5 copies of my sons and daughter's birth certificate
 - 1 copy of my ~~family~~ family census card
 - 1 copy of my release certificate
 - 2 copies of my US Diploma
 - 1 ID photo of mine after the release day (14-6-1985)
 - 2 photos of mine with US Advisor
- CCP-B
b. B-

The Provost Marshal General's School

UNITED STATES ARMY.



This is to certify that

FIRST LIEUTENANT NGUYEN TAN QUOC

has successfully completed,

ASSOCIATE MILITARY POLICE COMPANY OFFICER COURSE, CLASS NUMBER 1

The Provost Marshal General's School

23 September 1959 to 18 December 1959

In testimony Whereof, and by the authority invested in us,

We do confer upon him this

DIPLOMA

Given at Fort Gordon, Georgia, 18 December 1959

John R. Roush
SECRETARY

Wm. Hobson
COMMANDANT

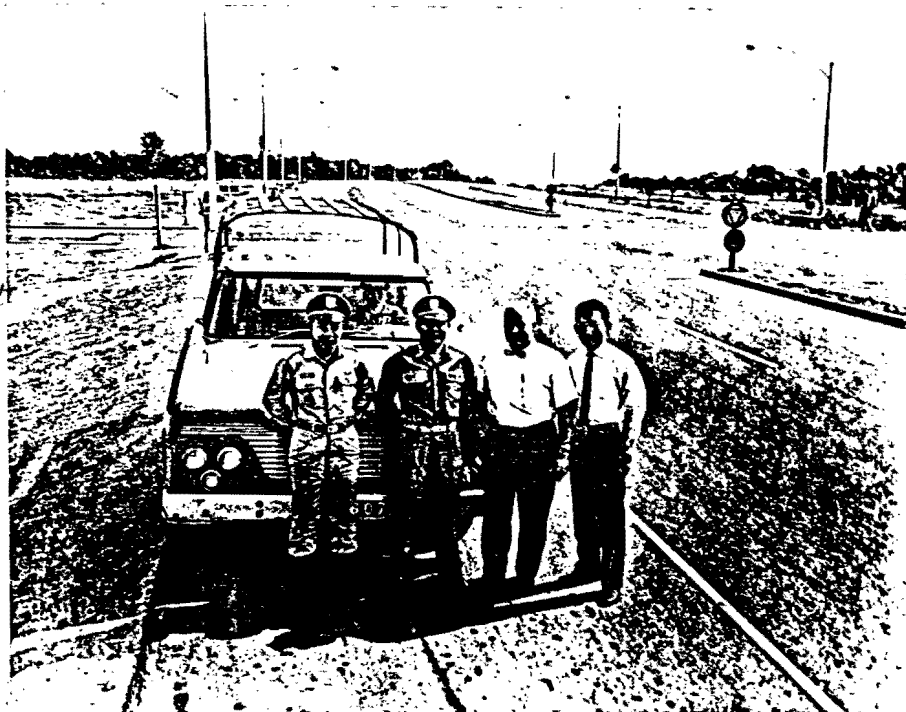
In front of the PMGC (Fort Gordon)
Home of the US Military Police
1959



On the SAIGON-BIENHOA HIGHWAY
1961

From left to right

- 1st LT NGUYEN TAN-QUOC : Chief of the highway patrol
- MAJOR LE-NGUYEN-PHU : Commandant of VN Gendarmerie
- Mr. Robert Bush : USOM/PSD Advisor
- Mr. VO-DAI-TON : USOM Interpreter



AT SAIGON HARBOR POLICE/BOAT
MAINTENANCE AND REPAIR SHOP
1968

From left to right:

- Mr. PACE, Chief Advisor at Saigon Metropolitan Police Department
- Major NGUYEN TAN-QUOC Police Commissioner Chief of the Saigon Harbor Police
- Commander GIANG Chief of the River Police
- Mrs. USAID/ADVISOR for WOMEN POLICE



BỘ NỘI VỤ
Trại **Hàm tan**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2363 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Số **473**, CRT

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số **128** ngày **04** tháng **05** năm **85**

của **Bộ nội vụ**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **NGUYỄN TÂN QUỐC** Sinh năm 19 **31**

Các tên gọi khác

Nơi sinh **Rạch giã**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **502/495A Nguyễn đình chiếu quan 3 - T/P HCM**

Cán tại **Thiếu tá sỹ quan nghi hoitai BLH/QS 2 bentw**

Bị bắt ngày **15/06/1975** An phạt **TTCT**

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại **502/495A Nguyễn đình chiếu - Quan 3-T/P HCM**

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng **x Bề ngoài tỏ ra an tam học tập cải tạo tin tưởng vào đường lối giáo dục của cách mạng**

Lao động : Tham gia đủ ngày công năng xuất chất lượng khá

Hội quy : Chấp hành nghiêm không sai phạm gì lớn

Học tập : Tham gia học tập đều nhận thấy được tội lỗi
Quản chế 12 tháng

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: **nơi cư trú**

Trước ngày _____ tháng _____ năm 19 _____

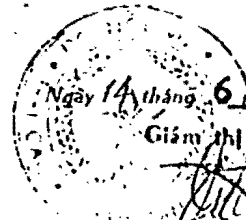
Lưu tại
Của
Danh bản
Lập tại



Ngày tên, chữ ký
người được cấp giấy

Được

NGUYỄN TÂN QUỐC



THIẾU TÁ: NGUYỄN ANH QUANG

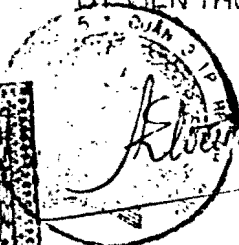
16/1275/88

SAD Y BÀN CHÁNH

TP. HỒ CHÍ MINH ngày 10/6/88

TM. UBND. RS. Q.3

LIÊN THỦ KÝ



Phan Thị Ellen Loan

Am-hi : (tên, họ)	NGUYỄN-THÉ-KIỆT
Phái :	NAM
Sinh ngày, tháng, năm	Ngày Mười sáu tháng Một dl. Một ngàn chín trăm năm mươi sáu.
Tại :	Thị-Xã Rachgia
Cha: (tên, họ)	NGUYỄN-TÂN-QUỐC
Tuổi :	Hai mươi lăm
Nghề-nghiep :	Trung-Úy Q.Đ.C.H.
Cư-trú tại :	Thị-Xã Rachgia
Mẹ: (tên, họ)	TỪ-THỊ-KIM-VÂN
Tuổi :	Hai Mươi
Nghề-nghiep :	Nội Trợ
Cư-trú tại :	Thị-Xã Rachgia
Vợ (chánh hay thứ) :	Vợ Chánh
Người khai :	CHƯƠNG-VIỆNG-SỸ
Tuổi :	Bốn mươi hai
Nghề-nghiep :	
Cư-trú tại :	Thị-Xã Rachgia
Ngày khai :	
Người chứng thứ nhất : (tên, họ)	TRẦN-EẤM-THANG
Tuổi :	Bốn mươi một
Nghề-nghiep :	Phụ-Tá Viên
Cư-trú tại :	Thị-Xã Rachgia
Người chứng thứ hai : (tên, họ)	NGUYỄN-VAN-LỤC
Tuổi :	Bốn mươi hai
Nghề-nghiep :	Thợ-Ký Hương-Thôn
Cư trú tại :	Thị-Xã Rachgia

Lập tại RACHGIA, ngày 23 tháng 1 dl. năm 1956.

người khai
Ký tên: TRIỂN LUY Y BỘ CHÁNH
Độc không được
Thị-Xã Rachgia, ngày 13 tháng 3 năm 1972

TRƯỞNG TỶ HẠ XÃ CHANH

Phó Trưởng ban
[Signature]

Chức vụ
Bổ sung chức vụ

hộ lại
nhân chứng
Ký tên: Hai chữ ký tên:
Độc không được. Độc không được

KIỂM SOÁT
Đứng y Bộ Chánh Hộ Tích
XS Diệt Thảm, năm 88/TK
Lưu tại TỌA TỬ-CHÁNH RACH-GIA
NHÂN-VIÊN KIỂM-SOÁT

[Signature]

TRƯỞNG TỶ HẠ XÃ CHANH

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

Làng An-Bình Canhho

(NAM PHẦN)
(Sud Viet-Nam)

NĂM 1952
(Année)

SỐ HIỆU Q.I. Tờ 87 (Phần sau)
(Acte N°)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Ngày 31 tháng chạp, 1951 Tòa Phong-Canhho
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	xử về việc bộ tại pháp đình có tuyên án
Sinh ngày nào (Date de naissance)	đay như sau đây:
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Bởi các lẽ ấy:
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Phan-rồng-Trần-thị-thanh-tĩnh, con gái, sinh
Cha làm nghề gì (Sa profession)	ngày bốn tháng giêng, năm một ngàn chín trăm
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	năm mười một (4.1.1951) tại làng An-Bình (
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Cantho) con của Trần-minh-Triết và Phan-thị-
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Hý.
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Đay rằng án này sẽ thế vì khai sinh cho
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Trần-thị-thanh-tĩnh.

Chép y án,

An-Bình (Cantho) ngày 14 tháng Hai, 1952
Chánh Lục-Sự (Le Greffier en Chef)

Chúng tôi
(Nous)

Chánh-án Tòa
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp - pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

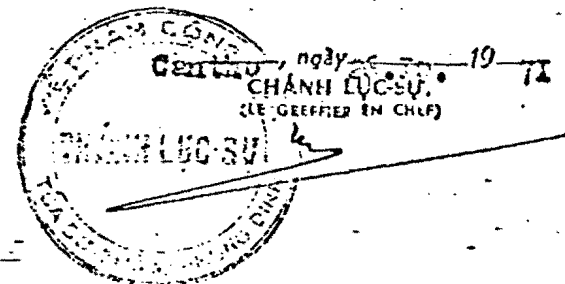
Ông
(M.)

Chánh Lục-sự Tòa-án Sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal)

ngày 19

CHÁNH-ÁN
(LE PRÉSIDENT)

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)



Giá tiền: 15.00
(Cout)

Biên-lai số 14467
(Quittance N°)

Lê-quang-Tốt

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Xã, Phường 10

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

QĐ số

Huyện, Quận Ba

Ngày

Tỉnh, Thành phố Hà Nội

Số 24

Quyển số 01

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên

Bí danh

Sinh ngày tháng

năm hay tuổi

Dân tộc

Quốc tịch

Nghề nghiệp

Nơi đăng ký

nhân khẩu

thường trú

Số giấy chứng minh nhân dân

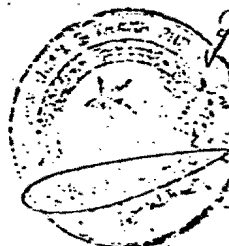
hoặc hộ chiếu

Đăng ký ngày 29 tháng 1 năm 1973

Người chồng ký

Người vợ ký

TM. U.B.N.D.



Phó đại biểu.

Nguyễn Văn Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT 3/P3

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Xã, Thị trấn: Phường 5
 Thị xã, Quận: Ba
 Thành phố, Tỉnh: Hồ Chí Minh

BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số 448Quyển số 1

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	NGUYỄN - THỊ - VÂN - ANH		Nam, nữ	Nữ
Sinh ngày tháng, năm	Hai mươi mốt, tháng mười hai, năm một ngàn chín trăm bảy mươi tám (21-12-1978)			
Nơi sinh	Binh Viên Điện Biên Phủ 280 Điện Biên Phủ Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NGUYỄN - THẾ - KIẾT 16/01/1956		TRẦN - THỊ - THANH - KINH 04/01/1951	
Dân tộc	Kinh		Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam		Việt Nam	
Nghề nghiệp	Kỹ Sư Thiết Bị Điện		Giáo Viên cấp II	
Nơi ĐKNK thường trú	502/495A Ng. Đinh Chiếu Q3. P5		502/495A Ng. Đinh Chiếu Q3. P5	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	NGUYỄN - THẾ - KIẾT (22 t) 502/495A Nguyễn Đinh Chiếu Q3 Phường 5 Chứng minh nhân dân số 020127528			

NHẬN THƯC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 25 tháng 12 năm 1978

Ký tên, đóng dấu

[Signature]
[Signature]

Đăng ký ngày 25 tháng 12 năm 1978
 (Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Xã
 Phường 05 Quận 3
 Thành phố Hồ Chí Minh
 Tỉnh

B. A. N. S. A. O

GIẤY KHAI SINH

QĐ số

Ngày

Số: 15

Quyển số: 01

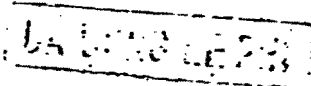
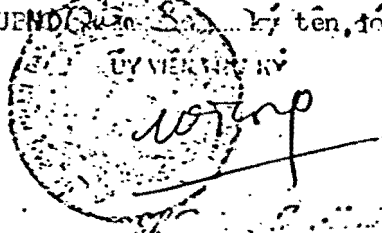
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

HỌ và TÊN: NGUYỄN QUỐC ANH		Nam, Nữ: Nam	
Sinh ngày tháng, năm	Ngày hai mươi sáu, tháng giêng, năm một ngàn chín trăm tám mươi một (26.01.1981) lúc 10 giờ 20'		
Nơi sinh	Bệnh viện Hùng Vương		
Khai về Cha, Mẹ	CHA	MẸ	
Họ - Tên - Tuổi (hoặc ngày tháng, năm sinh)	NGUYỄN THẾ KIẾT 1956	TRẦN THỊ THANH KÍNH 1951	
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam	Kinh Việt Nam	
Nghề nghiệp, nơi ĐKKK thường trú.	Kỹ Sư Thiết bị Điện 502/495A Nguyễn Đình Chiểu	Giáo Viên 502/495A Nguyễn Đình Chiểu	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc C.H.C.C của người đứng khai	Nguyễn Thế Kiệt		

NHÂN TRƯC SAO Y LÂN CHÁNH

Đang ký, Ngày 13 tháng 02 năm 1981
 (Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Ngày 1 tháng 8 năm 1984
 TM. UBND Quận 3 Ký tên, đóng dấu.



ĐÔ-THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chánh Quận Nhứt

Số hiệu 516

HỘ-TỊCH

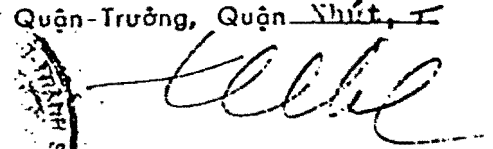
TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

NĂM một ngàn chín trăm sáu mươi một (1961)

MIEN LE PHI
để nộp vào hồ-sơ
Quân-sự

626/67

Tên, họ đứa nhỏ.	NGUYỄN THẾ DŨ
Phái.	Nam
Ngày sanh.	Ngày chín tháng hai năm một ngàn chín trăm sáu mươi một; 10 giờ 30
Nơi sanh.	SAIGON, 65 đường Đinh-Công-Trần
Tên, họ người cha.	Nguyễn tấn Quốc
Tuổi.	Ba mươi
Nghề-nghiệp.	Trung-ủy Hiến-Binh
Nơi cư-ngụ.	SAIGON, 38 đường Gia-Long
Tên, họ người mẹ.	Từ thị Kim Vân
Tuổi.	Hai mươi lăm
Nghề-nghiệp.	Nội-trợ
Nơi cư-ngụ.	SAIGON, 38 đường Gia-Long
Vợ chính hay thứ.	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 11 tháng 2 năm 1961
TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH:Saigon, ngày 3 tháng 4 năm 1961
Quận-Trưởng, Quận Nhứt, I

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: Nhứt

Lập ngày 13 tháng 3 năm 19 63

PHƯỜNG /

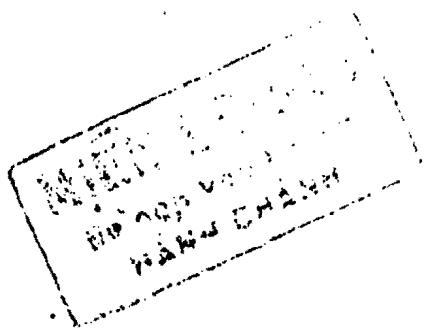
Số hiệu: 1030

Tên họ đứa trẻ. . . .	Nguyễn Thế Phương
Con trai hay con gái. .	Nam
Ngày sanh.	Mười một, tháng ba, năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba, 5 giờ 15
Nơi sanh	Saigon, 65 Đinh Công Tráng
Tên họ người cha. . .	Nguyễn Tấn Quốc
Tên họ người mẹ. . .	Tử Thị Kim Vân
Vợ chánh hay không có hôn-thú	Vợ Chánh
Tên họ người đứng khai.	Dương Liên Muội

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÍNH

Saigon, ngày 24 tháng 8 năm 19 74

Viên-Chức Hộ-Tịch,



ĐỒ THÀNH SAIGON

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Tòa Hành Chính Quận Đống

HỘ - TỊCH

Số hiện

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm (1964)

Tên, họ đứa nhỏ	NGUYỄN THẮNG HIỀN
Phái	Nam
Ngày sanh	Hai mươi một tháng năm năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn, 5g10
Nơi sanh	Saigon, 65 đường Bình công Tráng
Tên, họ người Cha	Nguyễn tấn quốc
Tuổi	Ba mươi ba
Nghề nghiệp	Đại Úy Tiền Binh Quốc Gia
Nơi cư ngụ	Saigon, 58 đường Gia Long
Tên, họ người Mẹ	Từ thị Kim Vân
Tuổi	Hai mươi tám
Nghề nghiệp	Nội trợ
Nơi cư ngụ	Saigon, 56 đường Gia Long
Vợ chánh hay vợ thứ	Vợ chánh

lập tại Saigon, ngày tháng năm 19 64

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH :

Saigon, ngày tháng năm 19 64

Quận-Trưởng, Quận Đống

NAM - PHẦN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐỒ-THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

25/10

Tòa Hành-Chánh Quận nhứt

Số hiệu: 1774

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy. (1967)

Tên, họ đứa nhỏ . . .	Nguyễn thị Văn Trang
Phối.	Mẹ
Ngày sanh	Mười tháng tư năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy, 5 giờ
Nơi sanh.	Saigon, 65 Đinh công Tráng
Tên, họ người cha. . .	Nguyễn Tấn Quốc
Tuổi.	Ba mươi sáu
Nghề-nghiệp.	Quản trưởng cảnh sát
Nơi cư-ngụ	Saigon, 5 Trịnh minh Thảo
Tên, họ người mẹ. . .	Tử thị Kim Văn
Tuổi.	Ba mươi một
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư ngụ.	Saigon, 6 Trịnh minh Thảo
Vợ chánh hay thứ. . .	Vợ chánh

Làm tại Saigon, ngày 15 tháng 4 năm 1967

TRÍCH LỤC Y BỐN CHÁNH:

Saigon, ngày 17 tháng 4 năm 1967

TL. QUẢN TRƯỞNG QUẬN NHỨT

Chau

MARIAGE DU 1^{er} DEGRÉ

Hôn thú bậc nhất

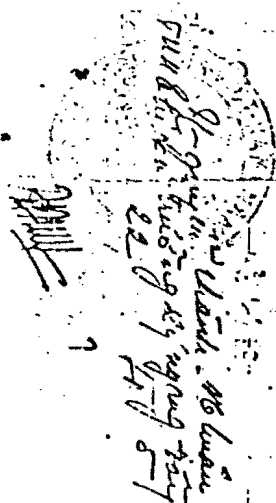
Số liệu 22

(1)

Long Xuyên, ngày 24 tháng 10 năm 1936
T. N. 117.233.187.110



NGUYỄN THÀNH NHUẬN



(1) Marge réservée pour la mention, en résumé, des jugements rectificatifs des actes de l'état-civil.

(1) Lề chừa để lược biên án tòa cải giấy hôn thú lại.

Nom et prénoms de l'époux Tên, họ người chồng	Nguyễn-tân-Quốc
Sa profession Làm nghề gì	Trung-Úy (Tiểu đoàn 501)
Lieu de sa naissance Sanh tại chỗ nào	Vĩnh-thành-Vân (Rạchgiã)
Date de sa naissance Sanh ngày nào	20 tháng 8 d.l. năm 1931
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Vĩnh-thành-Vân (Rạchgiã)
Nom et prénoms du père de l'époux (indiquer s'il est vivant ou décédé) Tên, họ cha chồng (sống chết phải nói)	Nguyễn-văn-Khoa (sống)
Son âge Mấy tuổi	45 tuổi
Sa profession Làm nghề gì	Cảnh Sát Trưởng Châu thành (Rạchgiã)
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Vĩnh-thành-Vân (Rạchgiã)
Nom et prénoms de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée) Tên, họ mẹ chồng (sống chết phải nói)	Chưởng-thị-Lục (sống)
Son âge Mấy tuổi	47 tuổi
Sa profession Làm nghề gì	Hội trợ
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Vĩnh-thành-Vân (Rạchgiã)
Nom et prénoms de la personne qui procède au mariage du côté de l'époux Tên, họ chủ hôn bên trai	Nguyễn-văn-Khoa
Son âge Mấy tuổi	45 tuổi
Sa profession Làm nghề gì	Cảnh Sát Trưởng châu thành (Rạchgiã)
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Vĩnh-thành-Vân (Rạchgiã)
Nom et prénoms de l'épouse Tên, họ người vợ	Tử-thị-Kim-Vân
Son rang de femme mariée Vợ chánh hay là vợ thứ	Vợ chánh
Sa profession Làm nghề gì	Hội trợ
Lieu de la naissance Sanh tại chỗ nào	Bình-Hòa (LONGXUYEN)
Date de sa naissance Sanh ngày nào	4 tháng 1 d.l. 1936
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Châu thành Longxuyen (Mỹ-Thị-óc)
Nom et prénoms du père de l'épouse (indiquer s'il est vivant ou décédé) Tên, họ cha vợ (sống chết phải nói)	Tử-vang-Phuông (sống)
Son âge Mấy tuổi	47 tuổi
Sa profession Làm nghề gì	Điền chủ
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Châu thành Longxuyen (Mỹ-Thị-óc)

Nom et prénoms de sa mère (Indiquer si elle est vivante ou décédée) <i>Tên, họ mẹ vợ (chết sống phải nói)</i>	Trần-thị-Truyền (sống)
Son âge — <i>Mấy tuổi</i>	47 tuổi
Sa profession. — <i>Làm nghề gì</i>	Điền chủ
Son domicile. — <i>Nhà cửa ở dân.</i>	Châu thành Longxuyen (Ninhphước)
Nom et prénoms de la personne qui procède au mariage du côté de l'épouse <i>Tên, họ chủ hôn bên gái.</i>	Tử-vang-Phuông
Son âge. — <i>Mấy tuổi</i>	47 tuổi
Sa profession. — <i>Làm nghề gì</i>	Điền chủ
Son domicile. — <i>Nhà cửa ở dân.</i>	Châu thành Longxuyen (Ninhphước)
Nom et prénoms de l'entremetteur du mariage	
<i>Tên, họ người làm mai</i>	
Son âge. — <i>Mấy tuổi</i>	
Sa profession. — <i>Làm nghề gì</i>	
Son domicile. — <i>Nhà cửa ở dân.</i>	
Nom et prénoms du 1 ^{er} témoin <i>Tên, họ người chứng thứ nhất</i>	Tử-thành-Bầu
Son âge. — <i>Mấy tuổi</i>	44 tuổi
Sa profession. — <i>Làm nghề gì</i>	Điền chủ
Son domicile. — <i>Nhà cửa ở dân.</i>	Châu thành Longxuyen (Ninhphước)
Nom et prénoms du 2 ^e témoin <i>Tên, họ người chứng thứ nhì</i>	Trần-phú-Tôn
Son âge. — <i>Mấy tuổi</i>	40 tuổi
Sa profession. — <i>Làm nghề gì</i>	Điền chủ
Son domicile. — <i>Nhà cửa ở dân.</i>	Châu thành (Nạchgiá)

A _____, le _____ 195
 Tại LONGXUYEN, ngày 2 tháng 12 d.l. 195

Les époux,
 Vợ chồng,
 Nguyễn-tân-Quốc (ký tên) // // // // //
 Tử-thị-kim-Vân (ký tên)

L'Officier de l'État Civil,
 Ủy viên hộ tịch,

Nguyễn-thành-Bầu
 (ký tên)

L'entremetteur,
 Mai nhơn,

Les personnes qui ont procédé au mariage,
 Các người chủ hôn,

Nguyễn-văn-Khoa
 (ký tên)
 Tử-vang-Phuông
 (ký tên)

Les pères et mères,
 Cha mẹ hai bên,

Nguyễn-văn-Khoa (ký tên)
 Chuông-thị-Lục (ký tên)
 Tử-vang-Phuông (ký tên)
 Trần-thị-Truyền (ký tên)

Les témoins,
 Các người chứng,

Tử-thành-Bầu
 (ký tên)
 Trần-phú-Tôn
 (ký tên)

NOTA. — Les blancs non utilisés devront être remplis par un trait.
 PHẢI BIẾT. — Chỗ trắng không dùng tới thì phải kéo một nét.



Nguyễn Văn Khoa

Chứng hợp chấp chủ ký tên
của hội đồng và viên thanh toán
ngày 23 tháng 12 năm 1958

Tên, họ ưu nhi: NGUYỄN-TÂN-QUỐC

PHAI: Con trai

Sinh: Lo Vingt Août 1931
(Ngày, tháng, năm)

Tại: Làng Vĩnh-thanh-Vân

Cha: NGUYỄN-VĂN-KHOA
(Tên, họ)

Tuổi:

Nghề: Secrétaire

Cư-trú tại: Làng Vĩnh-thanh-Vân

Mẹ: CHƯƠNG-THỊ-LỢC
(Tên, họ)

Tuổi:

Nghề: Đuôn bún

Cư-trú tại: Làng Vĩnh-thanh-Vân

Vợ: Không phép hôn thú
(chánh hay thứ)

Người khai: Nguyễn-văn-Khoa
(Tên, họ)

Tuổi: Hai mươi hai tuổi

Nghề: Secrétaire

Cư-trú tại: Làng Vĩnh-thanh-Vân

Ngày khai:

Người chứng thứ nhất: Ngô-văn-Ngà
(Tên, họ)

Tuổi: Hai mươi ba tuổi

Nghề: Làm biển

Cư-trú tại: Làng Vĩnh-thanh-Vân

Người chứng thứ nhì: Võ-văn-Hên
(Tên, họ)

Tuổi: Hai mươi sáu tuổi

Nghề: Làm biển

Cư-trú tại: Làng Vĩnh-thanh-Vân

A Rachgia, lo Vingt un Août 1931

Lập tại Vĩnh-thanh-Vân ngày 8 tháng bảy năm

Ký tên: đọc không được. Người khai Hết-lại Nhân-chứng
Ký tên: đọc không được. Hai chữ ký tên đọc
không được.

CHỨNG KIẾN

TRÍCH LƯỢC Y BẢN CHÍNH

Đại-Diện Xã:

Vĩnh-thanh-Vân, ngày 23 tháng 12 d. 1958
HỘI-viên HỒ-Tịch,

NGUYỄN-VĂN-KHOA



Ngày khai sinh: 23 tháng 1 năm 1936
 Ký tên: *[Signature]*
 Ông *[Signature]* và *[Signature]*

Tên, họ ấu nhi: Từ-thị-kim-VânPhái: NữSinh: Lê 4 Janvier 1936
(Ngày, tháng, năm)Tại: Bình-hoaCha: Từ-vọng-Phuông
(Tên, họ)

Tuổi:

Nghề-nghiệp: Làm-ruộngCư-trú tại: Bình-hoaMẹ: Trần-thị-Truyện
(Tên, họ)

Tuổi:

Nghề-nghiệp: Làm-ruộngCư-trú tại: Bình-hoaVợ: Vợ chánh
(chánh hay thờ)Người khai: Từ-vọng-Phuông
(Tên, họ)Tuổi: 28 ansNghề-nghiệp: Làm-ruộngCư-trú tại: Bình-hoa

Ngày khai:

Người chứng thứ nhất: Trương-văn-Nhiệm
(Tên, họ)Tuổi: 22 ansNghề-nghiệp: Làm-ruộngCư-trú tại: Bình-hoaNgười chứng thứ nhì: Lý-văn-Ngưu
(Tên, họ)Tuổi: 27 ansNghề-nghiệp: Làm-ruộngCư-trú tại: Bình-hoa

A Long-xuyên lê 4 Janvier 1936

Lập tại xã Bình-hoa, ngày 10 tháng chạp năm 1936Người khai,
Từ-vọng-Phuông
(gạt-thập)Hộ-lại,
Lê-văn-HungNhân-chứng,
Trương-văn-Nhiệm
Lý-văn-Ngưu

R REGISTERED MAIL

R 397 902 072

h/s
nguyên văn được
vàng -
thủ liên lạc
đại liên lạc
lưu trữ
10/8
US trainee

Mrs. Khuc Minh Tho

P.O. Box 5435

Arlington, VA. 22205-0635

BỘ NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ X.N.C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... 9.51... XC

IV# 247572
VEWL# 50378

GIẤY BẢO TIN

Kính gửi: Ông. Nguyễn. Tấn. Quốc.....

Hiện ở: 502 / 49.5.4. Nguyễn. Đình. Chiểu. P.4. Quận. 3. TP.HCM

1/ Chúng tôi đồng ý cho... ông... cùng... 06... người trong gia đình được phép xuất cảnh đến nước Mỹ.

2/ Về việc cấp hộ chiếu: chúng tôi đã cấp... 07... hộ chiếu cho gia đình, số:

70168 / 70180 / 20.Đ.C.

(... giữ... theo...)

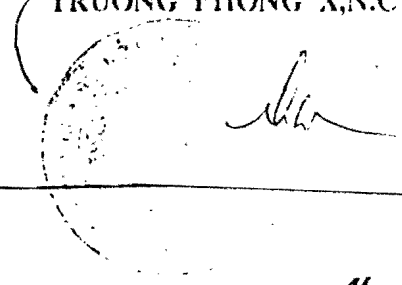
3/ Chúng tôi đã lên danh sách số... H.17... chuyển Bộ Ngoại giao để chuyển chính phủ Mỹ bố trí tiếp xúc phỏng vấn và xét nhập cảnh.

Nếu gia đình cần biết thời gian phỏng vấn tiếp xúc và kết quả xét duyệt nhập cảnh xin liên hệ với chính phủ Mỹ.

Xin thông báo để... ông... yên tâm ./.

Hà Nội, ngày 24. tháng 9. / 1990.

TRƯỞNG PHÒNG X.N.C



Nguyễn. Phương

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam



HỘ CHIẾU
Passport

Số
N^o PT 70180/70 ĐQ

8

BỊ CHỮ — REMARKS

9

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 70180 XC

Cấp cho Chị Nguyễn Thị Văn Trang
Đang với 1 trẻ em

Đến nước: Độc lập quốc Hoa Kỳ

Cao của khẩu: Tên Sơn - Nhật

Trước ngày 15-3-1991

Hết thời hạn 15 tháng 9 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



Hồng Liên

2

Họ và tên Full name

NGUYỄN THỊ VĂN TRANG

Ngày sinh Date of birth

1967

Nơi sinh Place of birth

Tp. Hồ Chí Minh

Chỗ ở Domicile

Tp. Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp Occupation

/

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs

3



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Nguyễn Văn Trang

4

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

15-9-1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 15 tháng 9 năm 1990
Issued at on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Vụ Trưởng phòng

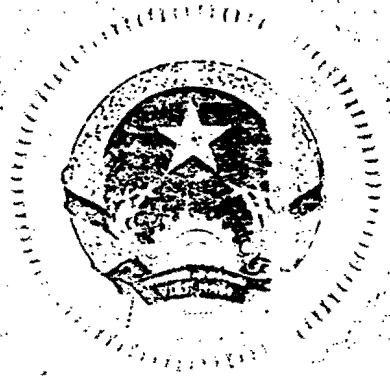


Hoàng Lân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.



HỘ CHIẾU
Passport

Số PT 70176/90 ĐQ
Nº

8

BỊ CHỮ — REMARKS

9

THỰC THỰC — VISAS

THỰC THỰC XUẤT CẢNH

Số 70176 XC

Cấp cho Anh Nguyễn Thế Hiền

Công với 1 trẻ em

Đến nước: Hợp chủng quốc Triều Tiên

Qua cửa khẩu: Cửa Sơn Nhật

Trước ngày 15-3-1991

Hết ngày 15 tháng 2 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



Hoàng Liên

Họ và tên Full name

NGUYỄN THẾ HIỂN

Ngày sinh Date of birth

1964

Nơi sinh Place of birth

T. Hồ Chí Minh

Chỗ ở Domicile

T. Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Handwritten signature of the passport bearer, appearing as a stylized 'N' or 'M' with a horizontal line underneath.

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

15-9-1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 15 tháng 9 năm 1990
Issued at on

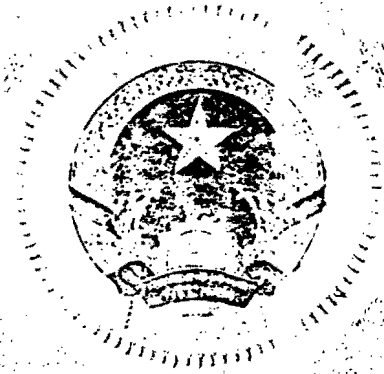


Nguyễn Văn Hiến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.



HỘ CHIẾU
Passport

Số PT 70174/90BG
Nº

8

BỊ CHỮ — REMARKS

9

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 70174 XG

Cấp cho Anh Nguyễn Thế Phụng

Cùng với 1 trẻ em:

Đến nước: Hợp chúng quốc Hoa Kỳ

Điểm cửa khẩu: Cửa Sơn Nhứt

Trước ngày 15.2.1991

Hà Nội ngày 15 tháng 2 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



Phong Liên

Họ và tên Full name

NGUYỄN THẾ PHƯƠNG

Ngày sinh Date of birth

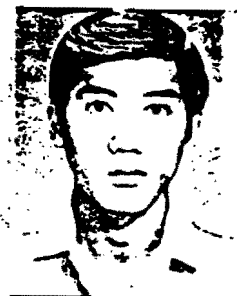
Nơi sinh Place of birth

Chỗ ở Domicile

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

15. 9. 1990

[Handwritten signature]

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày
This passport is valid up to

15. 9. 1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến
This passport bearer is allowed to travel to

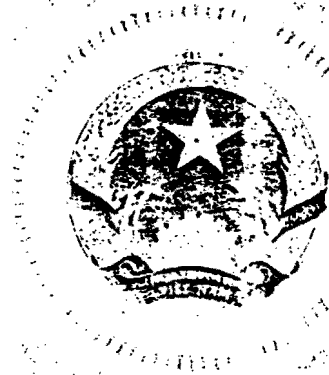
TẤT CẢ CÁC NƯỚC
ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 15 tháng 9 năm 1990
Issued at on



[Handwritten signature]
Hoàng Liên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam



HỘ CHIẾU
Passport

Số
Nº PT 70172/20.02

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội
chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà
chức trách có thẩm quyền của Việt Nam
và các nước cho phép người mang hộ
chiếu này được đi lại dễ dàng và được
tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the
Socialist Republic of Vietnam requests
the competent authorities of Vietnam and
of other countries to allow this passport
bearer to pass freely and afford assistance
and protection in case of need.

8

BỊ CHỮ — REMARKS

9

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 70172 XC

Cấp cho Chị Lưu Thị Kim Trang

Cấp với 1 trẻ em

Đến nước: Thụy Sĩ, nước Đức, Pháp, Bỉ

Lưu trú tại: Trần Văn Nghĩa

Trước ngày 15-3-1991

Hà Nội ngày 15 tháng 3 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



Hoàng Liên

2

Họ và tên Full name

LƯU THỊ KIM TRANG

Ngày sinh Date of birth

1967

Nơi sinh Place of birth

Tp. Hồ Chí Minh

Chỗ ở Domicile

Tp. Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp Occupation

/

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs

3



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Kim Trang

4

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

15.9.1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 15 tháng 9 năm 1990

Issued at

on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Hàng không

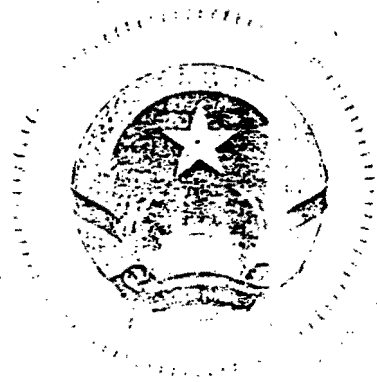


Phong Liên

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam



HỘ CHIẾU
Passport

Số
Nº PT 70178 / 80 BQ

8

BỊ CHÚ — REMARKS



9

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 70178 XC

Cấp cho Anh Nguyễn Thế Du
Cung với / trẻ em

Đến nước: Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ

Qua cửa khẩu: Trần Sơn Nhất

Trước ngày 15 3 1991

Hà Nội ngày 15 tháng 3 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Phòng



Hoàng Liên

Họ và tên Full name

NGUYỄN THẾ DŨ

Ngày sinh Date of birth

1961

Nơi sinh Place of birth

Tp. Hồ Chí Minh

Chỗ ở Domicile

Tp. Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

[Handwritten signature]

4

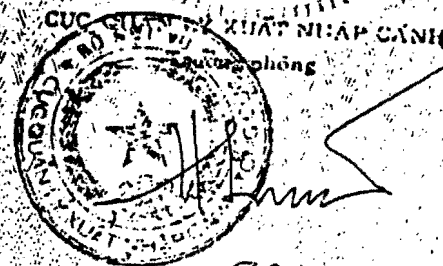
Hộ chiếu này có giá trị đến ngày
This passport is valid up to

15 - 9 - 1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến
This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC QUỐC
ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 15 tháng 9 năm 1990
Issued at on



[Handwritten signature]

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam



HỘ CHIẾU
Passport

Số PT 70170/90 BQ
Nº

8

BỊ CHỮ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS

9

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 70170 XC

Cấp cho Bà Tô Thị Kim Vân

Gửi với 1 trẻ em

Đến nước: Hợp chúng quốc Hoa Kỳ

Lưu của khẩu: Tân Sơn Nhất

Trước ngày 15-3-1991

Hà Nội ngày 15 tháng 2 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Hồng Liên

Họ và tên Full name

TƯ THỊ KIM VÂN

Ngày sinh Date of birth

1936

Nơi sinh Place of birth

Hải Giang

Chỗ ở Domicile

T. Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Tư Thị Kim Vân

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

15 - 9 - 1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 15 tháng 9 năm 1990
Issued at on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Phong Liên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.



HỘ CHIẾU
Passport

Số PT 70168 / 90 BG
Nº

BỊ CHÚ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 70168 XG

Cấp cho ông Nguyễn Tấn Quốc

Cùng với 1 trẻ em

Đến nước: Hợp chúng quốc Hoa Kỳ

Qua cửa khẩu: Cửa Sơn Nhút

Trước ngày 15-2-1991

Hà Nội ngày 15 tháng 2 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Phạm Văn Việt

Họ và tên *Full name*

NGUYỄN VĂN QUỐC

Ngày sinh *Date of birth*

1931

Nơi sinh *Place of birth*

Kiến Giang

Chỗ ở *Domicile*

T. Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp *Occupation*Chiều cao *Height*Vết tích đặc biệt khác *Other particular signs*

Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Quốc

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

15-9-1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
 ALL COUNTRIES

Cấp tại *Hà Nội* ngày 15 tháng 9 năm 1990
Issued at on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Hoàng Liên

Jan 17, 1989

Hình gửi Ba Thò,

Kể từ theo thư này là bạn A ao I.171
của hồ sơ Nguyễn Tân Quốc Tôi vừa
nhận được, với gửi đến Ba ngay, theo
lời Ba dặn tôi hôm nó để bỏ thư hồ
sơ cho anh Quốc tôi.

Trân trọng cảm ơn Ba

Kính thư,

Huân

Bổ túc

Hồ sơ Nguyễn Tân Quốc
I.171

UNITED STATES DEPARTMENT OF JUSTICE

IMMIGRATION AND NATURALIZATION SERVICE
Western Service Center
P. O. Box 73016
San Ysidro, California 92073

NOTICE OF APPROVAL OF RELATIVE IMMIGRANT VISA PETITION

NAME AND ADDRESS OF PETITIONER

NGUYEN HUANG NAC

NAME OF BENEFICIARY NGUYEN QUOC TAI	
CLASSIFICATION 203(a)(5)	FILE NO. NO FILE
DATE PETITION FILED 09/26/88	DATE OF APPROVAL OF PETITION 12/26/88

DATE: DEC 25, 1988

The visa petition you filed has been approved. The beneficiary for whom you filed has been given the appropriate classification. Note the approval gives no assurance that the beneficiary will automatically be found eligible for visa issuance, admission to the United States or adjustment to lawful permanent resident status. Whether the beneficiary gets a visa is decided only when an application is made to a consular officer; whether the beneficiary is admitted or adjusts status in the United States is decided only when an application is made to an immigration officer.

1. ☒ YOUR PETITION TO CLASSIFY THE BENEFICIARY AS AN IMMEDIATE RELATIVE OF A UNITED STATES CITIZEN HAS BEEN FORWARDED TO THE UNITED STATES CONSULATE AT _____. THIS COMPLETES ALL ACTION BY THIS SERVICE ON THE PETITION. THE UNITED STATES CONSULATE, WHICH IS PART OF THE DEPARTMENT OF STATE, WILL CONTACT THE BENEFICIARY AND GIVE INSTRUCTIONS ABOUT GETTING A VISA. QUESTIONS ABOUT GETTING A VISA SHOULD BE MADE TO THE UNITED STATES CONSUL.
2. ☐ IF YOU BECOME A NATURALIZED CITIZEN OF THE UNITED STATES AND AN IMMIGRANT VISA HAS NOT YET BEEN ISSUED TO THE BENEFICIARY, NOTIFY THIS OFFICE IMMEDIATELY, GIVING THE DATE OF YOUR NATURALIZATION. IF THE PETITION WAS IN BEHALF OF YOUR SON OR DAUGHTER, PLEASE ADVISE WHETHER THAT PERSON IS STILL UNMARRIED. THIS INFORMATION MAY BE HELPFUL TO THE BENEFICIARY IN GETTING A VISA FASTER.
3. ☒ YOUR PETITION FOR PREFERENCE CLASSIFICATION HAS BEEN FORWARDED TO THE UNITED STATES CONSULATE AT BANGKOK. THIS COMPLETES ALL ACTION BY THE SERVICE. THIS SERVICE DOES NOT ISSUE VISAS IN OTHER COUNTRIES. VISAS ARE ISSUED ONLY BY UNITED STATES CONSULS WHO ARE EMPLOYEES OF THE UNITED STATES DEPARTMENT OF STATE. WHEN THE BENEFICIARY'S TURN IS REACHED ON THE VISA WAITING LIST, THE UNITED STATES CONSUL WILL CONTACT THE BENEFICIARY AND GIVE INSTRUCTIONS ABOUT GETTING A VISA. VISAS ARE ISSUED ACCORDING TO THE DATE THE PETITION WAS FILED. QUESTIONS ABOUT GETTING A VISA SHOULD BE ADDRESSED TO THE UNITED STATES CONSUL.
4. ☐ YOUR PETITION SAYS THAT THE BENEFICIARY IS IN THE UNITED STATES AND WILL APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT. THE ENCLOSED APPLICATION (FORM I-485) SHOULD BE COMPLETED AND SUBMITTED BY THE BENEFICIARY WITHIN 30 DAYS. (IF THE BENEFICIARY PREVIOUSLY SUBMITTED SUCH AN APPLICATION AND HAD IT RETURNED, IT SHOULD BE RESUBMITTED WITHIN 30 DAYS.)
5. ☐ THE BENEFICIARY WILL BE INFORMED OF THE DECISION MADE ON THE PENDING APPLICATION TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT.
6. ☐ THE PETITION SAYS THAT THE BENEFICIARY IS IN THE UNITED STATES AND WILL APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT. THE BENEFICIARY MAY NOT APPLY TO BECOME A PERMANENT RESIDENT, HOWEVER, UNTIL A VISA NUMBER IS AVAILABLE. INFORMATION ABOUT VISA NUMBERS MAY BE OBTAINED FROM THE UNITED STATES DEPARTMENT OF STATE, BUREAU OF CONSULAR AFFAIRS, WASHINGTON, D.C.
7. ☐ ORIGINAL DOCUMENTS SUBMITTED IN SUPPORT OF YOUR PETITION UNACCOMPANIED BY COPIES HAVE BEEN MADE A PERMANENT PART OF THE PETITION. ANY OTHERS ARE BEING RETURNED WITH THIS FORM.
8. ☐ REMARKS.

9. _____ This approval notice also includes the following named individuals :

_____ : Classification : _____
 _____ : Classification : _____
 _____ : Classification : _____
 _____ : Classification : _____
 _____ : Classification : _____

VERY TRULY YOURS
JERRY KLOS
JERRY KLOS
DIRECTOR
Acting

Huan Nhu Nguyen

Given I-171
I 171 Bổ túc hồ sơ

Nguyễn Tâm An

JAN 20 1989



Khue Minh Tho
P.O Box 5435
Arlington, VA 22205-0635